

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

| | <u>Trang</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02-03 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT | 04 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | 05-34 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 05-07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 09-10 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 11-34 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty: Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|--------------------------------|----------|------------------------------|
| Ông Hoàng Văn Điều | Chủ tịch | |
| Bà Lại Thị Hồng Diệp | Ủy viên | |
| Ông La Thế Nhân | Ủy viên | |
| Ông Trần Quý Tài | Ủy viên | (Bỏ nhiệm ngày 26/03/2012) |
| Ông Hoàng Minh Anh Tú | Ủy viên | (Bỏ nhiệm ngày 26/03/2012) |
| Ông Hans Eberhard Fortenbacher | Ủy viên | (Miễn nhiệm ngày 26/03/2012) |
| Ông Nguyễn Văn Ngạn | Ủy viên | (Miễn nhiệm ngày 26/03/2012) |

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|-------------------------------|
| Ông Hoàng Văn Điều | Tổng Giám đốc |
| Bà Lại Thị Hồng Diệp | Giám đốc Điều hành |
| Ông Trần Quý Tài | Giám đốc Thị trường xuất khẩu |
| Bà Trần Thị Huệ | Giám đốc Chất lượng |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| Bà Thái Thị Phụng | Trưởng ban | |
| Bà Quách Thị Mai Trang | Thành viên | |
| Ông Lê Quốc Thắng | Thành viên | (Bỏ nhiệm ngày 26/03/2012) |
| Ông Trần Xoa | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 26/03/2012) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Văn Điều

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 08 tháng 08 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính: Như đã trình bày tại thuyết minh về chính sách kế toán ghi nhận tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, để đảm bảo thời gian thu hồi vốn phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, trong kỳ Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư làm chi phí khấu hao giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 1.853.204.958 VND.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/06/2012 | 01/01/2012 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 115.972.197.331 | 116.573.954.921 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 24.947.162.937 | 28.653.215.268 |
| 111 | 1. Tiền | | 24.947.162.937 | 13.653.215.268 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | 15.000.000.000 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 5.350.000.000 | 350.000.000 |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | | 5.350.000.000 | 350.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 23.710.507.538 | 26.226.006.045 |
| 131 | 1. Phải thu của khách hàng | | 19.519.530.261 | 24.061.172.790 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 3.888.447.714 | 1.786.526.762 |
| 135 | 5. Các khoản phải thu khác | 5 | 696.939.942 | 772.716.872 |
| 139 | 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (394.410.379) | (394.410.379) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 6 | 59.665.976.751 | 58.004.822.825 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 59.665.976.751 | 58.004.822.825 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 2.298.550.105 | 3.339.910.783 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 7 | 1.139.957.248 | 809.291.540 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 772.331.100 | 2.480.686.128 |
| 154 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 8 | 26.020.830 | 34.761.642 |
| 158 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | 9 | 360.240.927 | 15.171.473 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 127.476.958.624 | 129.759.159.473 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 68.954.175.758 | 72.303.438.208 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 62.919.908.177 | 65.249.947.120 |
| 222 | - Nguyên giá | | 135.421.735.104 | 133.688.270.492 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (72.501.826.927) | (68.438.323.372) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | 11 | 5.647.149.391 | 5.663.542.531 |
| 228 | - Nguyên giá | | 6.951.719.688 | 6.813.119.688 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.304.570.297) | (1.149.577.157) |
| 230 | 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 12 | 387.118.190 | 1.389.948.557 |
| 240 | III. Bất động sản đầu tư | 13 | 41.746.055.753 | 42.711.540.851 |
| 241 | - Nguyên giá | | 52.481.862.189 | 52.481.862.189 |
| 242 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (10.735.806.436) | (9.770.321.338) |
| 250 | IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 14 | 10.415.003.914 | 10.057.534.486 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | 10.292.674.714 | 9.935.205.286 |
| 258 | 3. Đầu tư dài hạn khác | | 122.329.200 | 122.329.200 |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | 6.361.723.199 | 4.686.645.928 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 15 | 6.319.087.570 | 4.644.010.299 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | 42.635.629 | 42.635.629 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 243.449.155.955 | 246.333.114.394 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/06/2012 | 01/01/2012 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 43.803.450.394 | 41.909.471.826 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 42.996.272.630 | 41.063.602.189 |
| 311 | 1. Vay và nợ ngắn hạn | 16 | 21.725.115.602 | 23.995.590.265 |
| 312 | 2. Phải trả người bán | | 8.801.011.449 | 9.786.765.458 |
| 313 | 3. Người mua trả tiền trước | | 1.905.747.674 | 881.105.000 |
| 314 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 5.320.328.543 | 503.217.426 |
| 315 | 5. Phải trả người lao động | | 1.275.783.930 | 2.168.595.812 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | | 98.844.033 | 54.717.898 |
| 319 | 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 18 | 3.787.986.568 | 3.466.093.934 |
| 323 | 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 81.454.831 | 207.516.396 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 807.177.764 | 845.869.637 |
| 334 | 4. Vay và nợ dài hạn | 19 | 807.177.764 | 807.177.764 |
| 336 | 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | - | 38.691.873 |
| 400 | B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 200.621.325.261 | 205.098.181.034 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 20 | 200.621.325.261 | 205.098.181.034 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 53.562.120.000 | 53.562.120.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 145.825.164.443 | 145.825.164.443 |
| 413 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 2.140.945.047 | 2.140.945.047 |
| 414 | 4. Cổ phiếu quỹ | | (11.666.581.607) | (11.666.581.607) |
| 416 | 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | - | (827.746.322) |
| 417 | 7. Quỹ đầu tư phát triển | | 1.477.656.109 | 1.242.204.294 |
| 418 | 8. Quỹ dự phòng tài chính | | 2.890.894.333 | 2.890.894.333 |
| 420 | 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 6.391.126.936 | 11.931.180.846 |
| 439 | C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | | (975.619.700) | (674.538.466) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 243.449.155.955 | 246.333.114.394 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 30/06/2012 | 01/01/2012 |
|--|------------------------|-------------------|-------------------|
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) | | - | 392.042.833 |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | | 1.388.433.438 | 1.388.433.438 |
| 5. Ngoại tệ các loại | | | |
| - Đồng Dollar Mỹ (USD) | | 29.628,57 | 3.645,87 |
| - Đồng Euro (EUR) | | 3.120,50 | 522,96 |

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/01/2012 | Từ 01/01/2011 |
|-------|--|-------------|-----------------|----------------|
| | | | đến 30/06/2012 | đến 30/06/2011 |
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 21 | 65.157.910.072 | 68.551.277.610 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 22 | 62.040.601 | 265.486.444 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23 | 65.095.869.471 | 68.285.791.166 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 24 | 63.928.054.292 | 62.292.094.382 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.167.815.179 | 5.993.696.784 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 25 | 528.049.808 | 1.824.632.071 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 26 | 1.574.948.116 | 1.665.544.823 |
| 23 | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 852.973.305 | 1.221.970.443 |
| 24 | 8. Chi phí bán hàng | | 688.867.382 | 827.268.950 |
| 25 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 2.034.311.449 | 2.820.496.999 |
| 30 | 10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | | (2.602.261.960) | 2.505.018.083 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 27 | 379.191.306 | 435.578.509 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 28 | 846.348.887 | 1.218.609.197 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (467.157.581) | (783.030.688) |
| 45 | 14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh | | 639.469.428 | 131.167.066 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | (2.429.950.113) | 1.853.154.461 |
| 51 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | - | 96.808.301 |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | (2.429.950.113) | 1.756.346.160 |
| 61 | 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | | (301.081.234) | (113.783.660) |
| 62 | 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | | (2.128.868.879) | 1.870.129.820 |
| 70 | 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 29 | (433) | 380 |

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởngHoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 | |
|-------|--|-------------|------------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | (2.429.950.113) | 1.853.154.461 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | | 5.691.769.281 | 7.651.175.515 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | - | 3.622.995 |
| 05 | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | 95.145.263 | (1.028.879.338) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 852.973.305 | 1.221.970.443 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 4.209.937.736 | 9.701.044.076 |
| 09 | Tăng, giảm các khoản phải thu | | 4.342.363.840 | 179.272.672 |
| 10 | Tăng, giảm hàng tồn kho | | (1.661.153.926) | (8.154.630.507) |
| 11 | Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | 3.195.162.921 | (4.988.904.660) |
| 12 | Tăng, giảm chi phí trả trước | | (2.005.742.979) | (1.607.461.643) |
| 13 | Tiền lãi vay đã trả | | (852.973.305) | (1.221.970.443) |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (146.642.204) | (1.068.301.891) |
| 15 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 558.275.825 | 4.044.706.459 |
| 16 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.312.551.483) | (114.018.813) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 6.326.676.425 | (3.230.264.750) |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (1.090.835.324) | (1.527.177.685) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 317.863.636 | 414.090.909 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị | | (5.300.000.000) | (4.600.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 300.000.000 | 19.084.560.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (750.000.000) |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 338.939.988 | 1.028.879.338 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (5.434.031.700) | 13.650.352.562 |
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 32 | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | (1.295.834.920) |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 26.782.737.119 | 25.261.076.152 |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (28.439.929.775) | (25.200.407.865) |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (2.941.504.400) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (4.598.697.056) | (1.235.166.633) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (3.706.052.331) | 9.184.921.179 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 | |
|-------|----------------------------------|-------------|------------------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 28.653.215.268 | 22.953.387.378 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 3 | <u>24.947.162.937</u> | <u>32.138.308.557</u> |

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc*Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty: Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 53.562.120.000 đồng; tương đương 5.356.212 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| - Xí nghiệp Giấy Alta | Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh |
| - Xí nghiệp sản xuất nhựa xuất khẩu | Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh |
| - Xí nghiệp In tổng hợp | 105 Đường Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Trung tâm Thương mại & Giải trí Lạc Hồng | Số 91 B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Laser game Nguyễn Kim | Trung tâm Điện máy Nguyễn Kim - Chi nhánh Thủ Đức, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Rạp Alta 4D-Max và laser game Suối Tiên | Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Khu Dịch vụ giải trí điện tử tại Maximark 3T2 | Siêu thị Maximark 3 tháng 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Trung tâm Chế bản & Kỹ thuật in | Số 9 - 11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Trung tâm Sản xuất và Phát hành băng, đĩa nhạc | Số 927/8 (số cũ 169/8), Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Trung tâm Phát triển sản phẩm Alta | Số 927/8 (số cũ 169/8), Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |

Công ty có các công ty con sau:

| Tên công ty | Địa chỉ |
|--|---|
| - Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc | Số 17 Đường Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình |
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương | Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Công ty có các công ty liên kết sau:

| <u>Tên công ty</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|---|
| - Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |

Công ty có các công ty liên doanh sau:

| <u>Tên công ty</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|---|
| - Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt | Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Công ty Cổ phần Y khoa Song An (1) | Số 11, Đường Trường Trinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |

(1) Công ty Cổ phần Y khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2012. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | | |
|--------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải | 04 - 10 | năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 10 | năm |
| - Tài sản cố định khác | 10 | năm |
| - Phần mềm quản lý | 04 - 06 | năm |
| - Quyền sử dụng đất | 42 | năm |

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047) và phần mềm quản lý. Trong đó quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

Trong kỳ, để đảm bảo thời gian thu hồi vốn phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình làm chi phí khấu hao 06 tháng đầu năm 2012 giảm với cùng kỳ năm trước với số tiền 990.252.375 VND.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Trong kỳ, để đảm bảo thời gian thu hồi vốn phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư làm chi phí khấu hao 06 tháng đầu năm 2012 giảm với cùng kỳ năm trước với số tiền 862.952.586 VND.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của kỳ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 6.465.588.927 | 7.047.103.433 |
| Tiền gửi ngân hàng | 18.481.574.010 | 6.606.111.835 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 15.000.000.000 |
| | <u>24.947.162.937</u> | <u>28.653.215.268</u> |

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay) | 5.350.000.000 | 350.000.000 |
| | <u>5.350.000.000</u> | <u>350.000.000</u> |

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng Cáo Âu Lạc | 470.000.000 | 376.000.000 |
| Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt | 100.000.000 | - |
| Phải thu khác | 126.939.942 | 396.716.872 |
| | <u>696.939.942</u> | <u>772.716.872</u> |

6 . HÀNG TỒN KHO

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 40.103.305.240 | 40.191.860.867 |
| Công cụ, dụng cụ | 936.881.809 | 1.173.451.928 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 800.161.596 | 2.705.250.535 |
| Thành phẩm | 15.977.525.091 | 12.268.694.466 |
| Hàng hoá | 1.848.103.015 | 1.665.565.029 |
| | <u>59.665.976.751</u> | <u>58.004.822.825</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|--|------------------------------------|----------------------------------|
| | VND | VND |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn | 478.906.926 | 331.190.620 |
| Chi phí bảo hiểm | 77.749.875 | 3.770.002 |
| Chi phí thuê văn phòng | 16.740.000 | - |
| Chi phí cấp phép cho phim 3D | - | 172.269.607 |
| Chi phí in hóa đơn | 22.000.003 | 83.415.911 |
| Chi phí thuê quản lý đầu số | 14.545.454 | - |
| Chi phí sửa chữa lớn | 52.800.000 | - |
| Chi phí thuê máy chủ | 32.400.000 | - |
| Chi phí sản xuất nhạc chờ | 163.970.377 | - |
| Chi phí khác | 280.844.613 | 218.645.400 |
| | <u><u>1.139.957.248</u></u> | <u><u>809.291.540</u></u> |

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 26.020.830 | 16.787.193 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 17.974.449 |
| | <u><u>26.020.830</u></u> | <u><u>34.761.642</u></u> |

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 14.635.617 | 15.171.473 |
| Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược | 345.605.310 | - |
| | <u><u>360.240.927</u></u> | <u><u>15.171.473</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Giá trị quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|-------------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu kỳ | 6.237.885.093 | 575.234.595 | 6.813.119.688 |
| Số tăng trong kỳ | - | 138.600.000 | 138.600.000 |
| - Mua sắm mới | - | 138.600.000 | 138.600.000 |
| Số giảm trong kỳ | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 6.237.885.093 | 713.834.595 | 6.951.719.688 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu kỳ | 933.815.134 | 215.762.023 | 1.149.577.157 |
| Số tăng trong kỳ | 74.705.208 | 80.287.932 | 154.993.140 |
| - Trích khấu hao | 74.705.208 | 80.287.932 | 154.993.140 |
| Số giảm trong kỳ | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 1.008.520.342 | 296.049.955 | 1.304.570.297 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Số dư đầu kỳ | 5.304.069.959 | 359.472.572 | 5.663.542.531 |
| Số dư cuối kỳ | 5.229.364.751 | 417.784.640 | 5.647.149.391 |

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 30/06/2012 | 01/01/2012 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 384.945.463 | 278.171.847 |
| - Dự án Trung tâm Thương mại Alta Plaza | 126.344.000 | 126.344.000 |
| - Dự án Nhà xưởng tại 47 Âu Cơ | 90.909.091 | 90.909.091 |
| - Dự án Xây dựng Văn phòng tại số 8 Đông Sơn | 167.692.372 | 60.918.756 |
| Mua sắm tài sản cố định | - | 1.111.776.710 |
| - Máy in năm màu kỹ thuật số | - | 1.111.776.710 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 2.172.727 | - |
| - Chi phí tu bổ rạp chiếu phim 4D Suối Tiên | 2.172.727 | - |
| | 387.118.190 | 1.389.948.557 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số dư đầu kỳ | 52.481.862.189 | 52.481.862.189 |
| Số tăng trong kỳ | - | - |
| Số giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | <u>52.481.862.189</u> | <u>52.481.862.189</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư đầu kỳ | 9.770.321.338 | 9.770.321.338 |
| Số tăng trong kỳ | 965.485.098 | 965.485.098 |
| - Trích khấu hao | 965.485.098 | 965.485.098 |
| Số giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | <u>10.735.806.436</u> | <u>10.735.806.436</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Đầu kỳ | <u>42.711.540.851</u> | <u>42.711.540.851</u> |
| Cuối kỳ | <u>41.746.055.753</u> | <u>41.746.055.753</u> |

14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 10.292.674.714 | 9.935.205.286 |
| - Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | 7.360.838.436 | 6.725.279.289 |
| - Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt | 2.931.836.278 | 3.209.925.997 |
| Đầu tư dài hạn khác | 122.329.200 | 122.329.200 |
| | <u>10.415.003.914</u> | <u>10.057.534.486</u> |

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|-----------------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc | TP. Hồ Chí Minh | 47,00% | 47,00% | In ấn và quảng cáo |

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|-----------------------------------|----------------------|-------------------------|--|
| Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt | TP. Hồ Chí Minh | 50,00% | 50,00% | Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy |
| Công ty Cổ phần Y tế Song An (1) | TP. Hồ Chí Minh | 50,00% | 50,00% | Y tế, bệnh viện |

(1) Công ty Cổ phần Y khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đầu tư dài hạn khác

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai | 62.829.200 | 62.829.200 |
| Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giấy Hoa Lệ | 59.500.000 | 59.500.000 |
| | <u>122.329.200</u> | <u>122.329.200</u> |

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 2.888.548.941 | 3.337.236.675 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 372.282.629 | - |
| Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc | 37.840.298 | 78.652.412 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ (1) | 704.481.793 | 779.221.747 |
| Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza | 357.915.010 | 426.915.014 |
| Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên | 111.051.542 | 21.984.451 |
| Chi phí duy trì tên miền | 27.380.832 | - |
| Module SG P6-16x32-B và bộ nguồn VAT-H300-5-ST | 1.801.328.525 | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 18.258.000 | - |
| | <u>6.319.087.570</u> | <u>4.644.010.299</u> |

(1) Chi tiết tài sản tháo dỡ gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp Đại Lợi là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phế liệu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rạp Đại Lợi. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động. Chi phí chờ phân bổ dài hạn chưa phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 30/06/2012 là 679.268.948 VND;

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBHĐQT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ bị dỡ bỏ để xây dựng Cửa hàng Kinh doanh được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền chưa phân bổ hết tính tới thời điểm ngày 30/06/2012 là 25.212.845 VND.

16 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 21.119.421.602 | 22.784.202.265 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1) | 18.866.927.102 | 22.784.202.265 |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)(2) | 2.252.494.500 | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết tại thuyết minh số 19) | 605.694.000 | 1.211.388.000 |
| | <u>21.725.115.602</u> | <u>23.995.590.265</u> |

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm 02 hợp đồng vay với thông tin cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay số 0219/TaB1/11LD ngày 14/09/2011 với hạn mức 60.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Số dư Nợ gốc tại thời điểm ngày 30/06/2012 là 1.063.519 USD. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn + (cộng) với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng. Lãi suất cho vay bằng VND theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời kỳ và được điều chỉnh 01 tháng/lần kể từ ngày rút vốn. Lãi suất vay USD theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời điểm.

- Hợp đồng vay số 0084/TaB1/12LD ngày 22 tháng 03 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Lãi suất vay theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm.

(2) Bao gồm 02 hợp đồng vay với thông tin cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay số SGD.TB.02250811 ngày 14/09/2011 với hạn mức 32.000.000.000 VND và 1.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động, tài trợ xuất khẩu và bảo lãnh các loại. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2012 là 46.210 USD. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từ khế ước nhận nợ (dao động từ 7% đến 8%/năm).

- Hợp đồng vay số SGD.TB.08240412 ngày 26/04/2012 với hạn mức 32.000.000.000 VND và 1.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động, tài trợ xuất khẩu và bảo lãnh các loại. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2012 là 61.690 USD. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từ khế ước nhận nợ (dao động từ 6,6% đến 7%/năm).

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|----------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 3.004.424 |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu | - | 3.652.682 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 345.114.021 | 482.522.588 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 72.902.522 | 14.037.732 |
| Các loại thuế khác | 4.902.312.000 | - |
| | <u>5.320.328.543</u> | <u>503.217.426</u> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Bảo hiểm xã hội | 19.104.528 | 54.682.158 |
| Bảo hiểm y tế | 3.435.520 | 2.976.240 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 1.266.313 | 1.274.900 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | - | 1.223.000 |
| Quỹ sắp xếp doanh nghiệp khi cổ phần hóa | 2.078.617.342 | 2.078.617.342 |
| Phải trả về doanh thu liên kết của tòa nhà Alta - Unique | 598.404.858 | 1.099.399.381 |
| Phải trả Hoàng Minh Anh Tài | 500.000.000 | - |
| Phải trả, phải nộp khác | 587.158.007 | 227.920.913 |
| | <u>3.787.986.568</u> | <u>3.466.093.934</u> |

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn | 807.177.764 | 807.177.764 |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) (1) | 807.177.764 | 807.177.764 |
| | <u>807.177.764</u> | <u>807.177.764</u> |

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

- (1) Vay theo hợp đồng số 84379909 ngày 19/08/2010 với hạn mức 5.000.000.000 VND để cải tạo Trung tâm Thương mại Alta Plaza (số 91B2 Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Số gốc vay phải trả trong năm 2012 là 1.211.388.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 53.562.120.000 | 53.562.120.000 |
| - <i>Vốn góp đầu kỳ</i> | <i>53.562.120.000</i> | <i>53.562.120.000</i> |
| - <i>Vốn góp cuối kỳ</i> | <i>53.562.120.000</i> | <i>53.562.120.000</i> |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia (1) | 2.940.281.400 | - |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2011</i> | <i>2.940.281.400</i> | - |

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26/03/2012, Công ty công bố việc chi trả cổ tức theo tỷ lệ 12% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 5.904.477.600 VND. Trong 06 tháng đầu năm, Công ty đã chi trả 6% tương ứng với 2.964.196.200 VND.

c) Cổ phiếu

| | <u>Cuối kỳ</u> | <u>Đầu kỳ</u> |
|--|------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.356.212 | 5.356.212 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.356.212 | 5.356.212 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>5.356.212</i> | <i>5.356.212</i> |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 435.814 | 435.814 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>435.814</i> | <i>435.814</i> |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.920.398 | 4.920.398 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>4.920.398</i> | <i>4.920.398</i> |
| Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

d) Các quỹ công ty

| | <u>30/06/2012</u> | <u>01/01/2012</u> |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.477.656.109 | 1.242.204.294 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 2.890.894.333 | 2.890.894.333 |
| | <u>4.368.550.442</u> | <u>4.133.098.627</u> |

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>Từ 01/01/2012</u> | <u>Từ 01/01/2011</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>đến 30/06/2012</u> | <u>đến 30/06/2011</u> |
| | VND | VND |
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 44.407.196.407 | 49.779.909.825 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 20.750.713.665 | 18.771.367.785 |
| | <u>65.157.910.072</u> | <u>68.551.277.610</u> |

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | <u>Từ 01/01/2012</u> | <u>Từ 01/01/2011</u> |
|---------------------|--------------------------|---------------------------|
| | <u>đến 30/06/2012</u> | <u>đến 30/06/2011</u> |
| | VND | VND |
| Hàng bán bị trả lại | 62.040.601 | 265.486.444 |
| | <u>62.040.601</u> | <u>265.486.444</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

23 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa | 44.345.155.806 | 49.514.423.381 |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 20.750.713.665 | 18.771.367.785 |
| | <u>65.095.869.471</u> | <u>68.285.791.166</u> |

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 44.419.328.197 | 45.205.089.277 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 19.508.726.095 | 17.087.005.105 |
| | <u>63.928.054.292</u> | <u>62.292.094.382</u> |

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn | 432.939.988 | 1.019.048.338 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 9.831.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 95.109.820 | 795.752.733 |
| | <u>528.049.808</u> | <u>1.824.632.071</u> |

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 852.973.305 | 1.221.970.443 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 721.974.811 | 443.574.380 |
| | <u>1.574.948.116</u> | <u>1.665.544.823</u> |

27 . THU NHẬP KHÁC

| | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 |
|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản | 317.863.636 | 414.090.909 |
| Thu nhập khác | 61.327.670 | 21.487.600 |
| | <u>379.191.306</u> | <u>435.578.509</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

28 . CHI PHÍ KHÁC

| | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 |
|--------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thanh lý tài sản | 845.948.887 | 1.176.161.197 |
| Chi phí khác | 400.000 | 42.448.000 |
| | 846.348.887 | 1.218.609.197 |

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

| | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 | Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | (2.128.868.879) | 1.870.129.820 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (2.128.868.879) | 1.870.129.820 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 4.920.398 | 4.920.398 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (433) | 380 |

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | 30/06/2012 | | 01/01/2012 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 24.947.162.937 | - | 28.653.215.268 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 20.216.470.203 | (394.410.379) | 24.833.889.662 | (394.410.379) |
| Đầu tư ngắn hạn | 5.350.000.000 | - | 350.000.000 | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 122.329.200 | - | 122.329.200 | - |
| Cộng | 50.635.962.340 | (394.410.379) | 53.959.434.130 | (394.410.379) |

| | Giá trị sổ kế toán | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 22.532.293.366 | 24.802.768.029 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 12.588.998.017 | 13.252.859.392 |
| Chi phí phải trả | 98.844.033 | 54.717.898 |
| | 35.220.135.416 | 38.110.345.319 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 30/06/2012 | | | | |
| Vay và nợ | 21.725.115.602 | 807.177.764 | - | 22.532.293.366 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 12.588.998.017 | - | - | 12.588.998.017 |
| Chi phí phải trả | 98.844.033 | - | - | 98.844.033 |
| Cộng | 34.412.957.652 | 807.177.764 | - | 35.220.135.416 |
| Tại ngày 01/01/2012 | | | | |
| Vay và nợ | 23.995.590.265 | 807.177.764 | - | 24.802.768.029 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 13.252.859.392 | - | - | 13.252.859.392 |
| Chi phí phải trả | 54.717.898 | - | - | 54.717.898 |
| Cộng | 37.303.167.555 | 807.177.764 | - | 38.110.345.319 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

| <u>Mối quan hệ</u> | <u>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u> VND | <u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u> VND |
|---|--|--|
| Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | | |
| - Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Công ty liên kết Âu Lạc | 832.299.189 | 845.129.181 |
| - Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Công ty liên doanh Việt | 273.494.473 | 309.368.581 |
| Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ | | |
| - Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Công ty liên kết Âu Lạc | 46.213.000 | 112.607.600 |
| - Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Công ty liên doanh Việt | 68.822.065 | - |
| Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán: | | |
| <u>Mối quan hệ</u> | <u>30/06/2012</u> VND | <u>01/01/2012</u> VND |
| Phải thu tiền hàng hóa và cung cấp dịch vụ | | |
| - Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Công ty liên kết Âu Lạc | 299.206.329 | 335.361.139 |
| - Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Công ty liên doanh Việt | 290.198.560 | 119.563.889 |
| Phải thu tiền hàng hóa và cung cấp dịch vụ | | |
| - Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Công ty liên kết Âu Lạc | - | 155.171.500 |
| - Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Công ty liên doanh Việt | 75.704.272 | - |
| Phải thu vốn cho vay không tính lãi | | |
| - Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Công ty liên doanh Việt | 100.000.000 | - |
| Phải trả khác | | |
| - Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Công ty liên kết Âu Lạc | 470.000.000 | 376.000.000 |

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán và soát xét.

Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 23.608.229.490 | 106.238.845.360 | 3.065.170.207 | 607.727.726 | 168.297.709 | 133.688.270.492 |
| Số tăng trong kỳ | 215.196.600 | 2.478.639.260 | 311.070.028 | 82.658.724 | - | 3.087.564.612 |
| - Mua sắm mới | 215.196.600 | 481.909.972 | 311.070.028 | 82.658.724 | - | 1.090.835.324 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 1.996.729.288 | - | - | - | 1.996.729.288 |
| Số giảm trong kỳ | - | (1.354.100.000) | - | - | - | (1.354.100.000) |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.354.100.000) | - | - | - | (1.354.100.000) |
| Số dư cuối kỳ | 23.823.426.090 | 107.363.384.620 | 3.376.240.235 | 690.386.450 | 168.297.709 | 135.421.735.104 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 9.694.586.671 | 56.697.989.911 | 1.654.704.514 | 357.495.918 | 33.546.358 | 68.438.323.372 |
| Số tăng trong kỳ | 655.260.608 | 3.678.816.561 | 153.868.128 | 68.914.252 | 14.431.494 | 4.571.291.043 |
| - Trích khấu hao | 655.260.608 | 3.678.816.561 | 153.868.128 | 68.914.252 | 14.431.494 | 4.571.291.043 |
| Số giảm trong kỳ | - | (507.787.488) | - | - | - | (507.787.488) |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (507.787.488) | - | - | - | (507.787.488) |
| Số dư cuối kỳ | 10.349.847.279 | 59.869.018.984 | 1.808.572.642 | 426.410.170 | 47.977.852 | 72.501.826.927 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 13.913.642.819 | 49.540.855.449 | 1.410.465.693 | 250.231.808 | 134.751.351 | 65.249.947.120 |
| Số dư cuối kỳ | 13.473.578.811 | 47.494.365.636 | 1.567.667.593 | 263.976.280 | 120.319.857 | 62.919.908.177 |

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.055.880.845 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của Chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ trước | 53.562.120.000 | 145.825.164.443 | 2.140.945.047 | (11.666.581.607) | (827.746.322) | 1.242.204.294 | 2.890.894.333 | 11.931.180.846 | 205.098.181.034 |
| Lãi/lỗ trong kỳ | - | - | - | - | - | - | - | (2.128.868.879) | (2.128.868.879) |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | - | 235.451.815 | - | (235.451.815) | - |
| Chi trả cổ tức kỳ trước | - | - | - | - | - | - | - | (2.940.281.400) | (2.940.281.400) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | (235.451.816) | (235.451.816) |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá | - | - | - | - | 827.746.322 | - | - | - | 827.746.322 |
| Số dư cuối kỳ này | 53.562.120.000 | 145.825.164.443 | 2.140.945.047 | (11.666.581.607) | - | 1.477.656.109 | 2.890.894.333 | 6.391.126.936 | 200.621.325.261 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

| | Hoạt động sản xuất | Dịch vụ | Các hoạt động khác | Tổng cộng các bộ phận | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 44.259.738.250 | 15.522.450.154 | 5.313.681.067 | 65.095.869.471 | 65.095.869.471 |
| Chi phí trực tiếp | 43.465.721.754 | 15.243.978.523 | 5.218.354.015 | 63.928.054.292 | 63.928.054.292 |
| Chi phí phân bổ | 2.857.285.729 | 285.728.578 | 454.750.985 | 3.597.765.292 | 3.597.765.292 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (2.063.269.233) | (7.256.947) | (359.423.933) | (2.429.950.113) | (2.429.950.113) |
| Tài sản bộ phận | 125.846.666.425 | 31.931.650.175 | 20.888.847.369 | 178.667.163.969 | 178.667.163.969 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 64.781.991.986 | 64.781.991.986 |
| Tổng tài sản | 125.846.666.425 | 31.931.650.175 | 20.888.847.369 | 243.449.155.955 | 243.449.155.955 |
| Nợ phải trả của các bộ phận | 28.833.885.823 | 11.151.989.657 | 3.817.574.914 | 43.803.450.394 | 43.803.450.394 |
| Tổng nợ phải trả | 28.833.885.823 | 11.151.989.657 | 3.817.574.914 | 43.803.450.394 | 43.803.450.394 |

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.